

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-PT
Ngày 10 - 7 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Châu Việt Thanh

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2018/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Triệu S, sinh năm 1950; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Sơn Thị Sa V, sinh năm 1949; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Triệu S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Triệu S trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Ông bà tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau từ năm 1969, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung ông bà phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, bà Sa V đi đâu cũng không báo cho ông biết. Nay mâu thuẫn giữa ông bà trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống và ông bà đã ly thân từ năm 2016 đến nay.

Nay, ông S xác định ông bà không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn.

Về tài sản chung: Ông xác định vợ chồng có 17 lượng vàng 24K và số tiền 100.000.000 đồng, số tiền trên hiện bà Sa V đang quản lý. Ông S xác định số tiền trên có được từ việc làm ruộng, nuôi tôm.

Về con chung: Có 07 người con chung tên Triệu Thị L, sinh năm 1970; Triệu G, sinh năm 1972; Triệu I, sinh năm 1975; Triệu H, sinh năm 1977; Triệu G, sinh năm 1979; Triệu Thị Mỹ T, sinh năm 1981; Triệu Q, sinh năm 1983.

Bị đơn bà Sơn Thị Sa V trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Triệu S về quan hệ hôn nhân và con chung. Tuy nhiên, nguyên nhân ly hôn theo bà V xác định trong 02 năm gần đây do ông Triệu S ham mê cờ bạc nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân đến nay. Nay ông S yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Bà xác định trước đây vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia tài sản là quyền sử dụng đất xong. Đối với trình bày của ông Triệu S là không đúng. Vợ chồng ông bà không có 17 lượng vàng 24K và số tiền 100.000.000 đồng. Bà không quản lý số tiền trên. Nay, ông Triệu S yêu cầu bà chia số tiền 100.000.000 đồng khi ly hôn thì bà không đồng ý.

Từ nội dung trên tại bản án số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Triệu S và bà Sơn Thị Sa V.

Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu của ông Triệu S yêu cầu chia số tiền 100.000.000 đồng.

Về con chung: Không đặt ra xem xét

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, bị đơn ông Triệu S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Ông S yêu cầu bà Sa V chia cho ông số tiền 50.000.000 đồng là tài sản chung của ông bà trong thời kỳ hôn nhân.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Triệu S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Ông Triệu S và Bà Sơn Thị Sa V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1969, không có đăng ký kết hôn, căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội đây được xem là hôn nhân hợp pháp, trường hợp có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn. Do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên ông S và bà V đã ly thân từ năm 2016 đến nay và đã thống nhất thuận tình ly hôn. Các con của ông bà đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không có yêu cầu xem xét giải quyết.

[3] Xét kháng cáo của ông Triệu S yêu cầu được hưởng số tiền 50.000.000 đồng từ tài sản chung 100.000.000 đồng. Theo ông S xác định số tiền trên có được là do hai vợ chồng làm ruộng, nuôi tôm và bà V là người quản lý. Tuy nhiên, bà V không thừa nhận có số tiền trên và việc phân chia tài sản chung hai vợ chồng đã tự thỏa thuận khi ly thân. Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...*”. Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa phúc thẩm, ông S không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh được trong quá trình sống chung vợ chồng có tạo lập được số tiền 100.000.000 đồng. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông S về việc được hưởng số tiền 50.000.000 đồng mà ông cho là tài sản chung của vợ chồng.

[4] Từ những căn cứ trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Triệu S; chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[5] Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm ông Triệu S phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Triệu S, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Triệu S và bà Sơn Thị Sa V.

2. Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu của ông Triệu S yêu cầu chia số tiền 100.000.000 đồng.

3. Về con chung: Không đặt ra xem xét

4. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Triệu S phải chịu 300.000 đồng. Ông S đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006874 và 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0006875 cùng ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu 300.000 đồng, ông S được hoàn lại 2.500.000 đồng.

Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Ông Triệu S phải chịu 300.000 đồng. Ông S đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011101 ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND huyện Đ (01 bản);
- CCTHADS huyện Đ (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Lệ Kiều